

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2158a*/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày *24* tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường và kênh thoát nước tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013-2015.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1337/TTr-SKHĐT ngày 01/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Đường và kênh thoát nước tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013-2015, nội dung như sau:

1. Tên dự án : Đường và kênh thoát nước tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư giai đoạn 2013-2015.

2. Chủ đầu tư : Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án : Công ty TNHH Xây dựng Phú Quan.

4. Chủ nhiệm lập dự án : Ks. Đào Duy Quan

5. Mục tiêu đầu tư

Từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư được giao đất triển khai thực hiện dự án. Từ đó, thu hút thêm các nhà đầu tư khác tham gia đầu tư tại Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư.



Việc thu hút được nhiều dự án đầu tư sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư nói riêng, của tỉnh Bình Phước và cả nước nói chung.

6. Nội dung và quy mô đầu tư:

6.1 Xây dựng các tuyến đường với tổng chiều dài 31.581,88m bao gồm:

- Tuyến đường dẫn dài 300m; Đường trục I dài 3.225,5m; Đường D1,D2 dài 1.752,57m; Đường D3 dài 512m; Đường D4 dài 334,5m; Đường D6 dài 1.712,05m; Đường D7 dài 1.711,9m; Đường D20 dài 1.479,35m; Đường D22 dài 1.409m; Đường N7 dài 1.000m; Đường N8 dài 1.000m; Đường N10 dài 1.735,1m; Đường N11 dài 500m; Đường N14 dài 3.492,10m; Đường D8 dài 1.712,05m; Đường D23 dài 841,96m; Đường N13 dài 1.325m; Đường trục 2 (đoạn qua xã Lộc Hòa) dài 5.072,8m; Đường bao quanh lô đất CX7 dài 2.466m.

6.2 Xây dựng kênh thoát nước T3 và đoạn nhánh rẽ kênh T1 với tổng chiều dài 2.769,85 m

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

8. Diện tích đất sử dụng: 68,70 ha.

9. Thiết kế cơ sở:

9.1 Đường dẫn

- Bề rộng mặt đường: 45 mét.
- Tốc độ thiết kế: 60 km/h
- Tải trọng trục xe tính toán: 12T/trục
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1.

9.2 Tuyến Đường trục I có nền đường rộng 15 m; mặt đường thảm nhựa rộng 7 m; lề đường rộng 4 mét x 2 bên. Riêng đoạn từ Quốc lộ 13 vào mỗi bên 500 mét có bố trí dây phân cách giữa rộng 03 mét.

- Tốc độ thiết kế: 60 km/h
- Tải trọng trục xe tính toán: 12T/trục
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1

9.3 Các tuyến D1, D4, N7 nền đường rộng 09 m; mặt đường thảm nhựa rộng 5 m; có lề đường rộng 2 mét x 2 bên.

- Tốc độ thiết kế: 60 km/h
- Tải trọng trục xe tính toán: 12T/trục
- Kết cấu mặt đường : Mặt đường cấp cao A1.

9.4 Các tuyến D2, D3, D6, D20, N8, N10, N11 nền đường rộng 10,5 m; có mặt đường thảm nhựa rộng 5 m; có lề đường rộng 2,75 mét x 2 bên.

- Tốc độ thiết kế: 60 km/h
- Tải trọng trục xe tính toán: 12T/trục
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1

9.5 Các tuyến D7, D22, N14 nền đường rộng 15 m; mặt đường thảm nhựa rộng 7 m; lề đường rộng 4 mét x 2 bên.

- Tốc độ thiết kế: 60 km/h
- Tải trọng trục xe tính toán: 12T/trục
- Kết cấu mặt đường: Mặt đường cấp cao A1

9.6 Các tuyến D8, N13, Đường trục 2 (đoạn qua xã Lộc Hòa), đường bao quanh lô đất CX7 có nền đường rộng 15 m; mặt đường sỏi đỏ rộng 8 m; có lề đường rộng 3,5 mét x 2 bên.

- Tốc độ thiết kế: 40 km/h
- Tải trọng trục xe tính toán: 10T/trục
- Kết cấu mặt đường : Bằng cấp phối sỏi đỏ.

9.7 Tuyến đường D23 có nền đường rộng 10,5 mét; mặt đường sỏi đỏ rộng 8 m; có lề đường rộng 2,75 mét x 2 bên.

- Tốc độ thiết kế: 40 km/h
- Tải trọng trục xe tính toán: 10T/trục
- Kết cấu mặt đường : Bằng cấp phối sỏi đỏ.

9.8 Hệ thống thoát nước :

9.8.1 Kênh thoát nước T3 và đoạn nhánh rẽ kênh T1: Kênh có kết cấu là kênh đất đào, đáy rộng 2 mét, chiều cao 2,5 đến 3 mét, mái kênh có ta luy 1:1.

9.4.2 Hệ thống thoát nước dọc và thoát nước ngang : Tại các tuyến đường có bố trí các công thoát nước có khẩu độ (công hộp 800x800 và công tròn D800-1500) nhằm dẫn nước mưa về 03 kênh thoát nước T1, T2, T3 thoát ra khỏi Khu kinh tế.

10. Loại, cấp công trình :

- Loại công trình: Công trình giao thông;
- Cấp công trình: Cấp III.

11. Dự án thuộc nhóm : Nhóm B.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phần phải tiến hành giải tỏa bồi thường chủ yếu là đất nông nghiệp và lâm nghiệp không có nhà dân nên không phải bố trí tái định cư. Tổng diện tích cần giải tỏa khoảng 22,84 ha với kinh phí thực hiện khoảng 7.000.000.000 đồng. Chính sách và đơn giá bồi thường thực hiện theo các quy định của nhà nước tại thời điểm tiến hành công tác GPMB.

13. Tổng mức đầu tư

STT	Nội dung	Thành tiền (VND)
1	Chi phí xây dựng	123.281.855.000
2	Chi phí GPMB	7.000.000.000
3	Chi phí QLDA	1.514.815.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	5.563.278.000

5	Chi phí khác (bao gồm cả chi phí rà phá bom mìn)	1.041.235.000
6	Chi phí dự phòng	40.202.354.000
	Tổng cộng:	178.603.537.000

14. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và ngân sách tỉnh. Trong đó, ngân sách trung ương là 62,5 tỷ đồng Việt Nam, phần còn lại là ngân sách tỉnh.

15. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2013 - 2015.

17. Nhu cầu vốn theo tiến độ dự án

Năm	Nội dung thực hiện	Vốn trung ương hỗ trợ (VND)	Vốn ngân sách tỉnh (VND)
2012	Chuẩn bị đầu tư		800.000.000
2013	Thi công xây dựng công trình	19.000.000.000	31.000.000.000
2014	Thi công xây dựng công trình	21.000.000.000	36.000.000.000
2015	Thi công xây dựng công trình	22.500.000.000	48.303.537.000

Điều 2. Sau khi dự án được phê duyệt, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước là chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung đã nêu tại Điều 1.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bình Phước, Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Thủ trưởng các Đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P: KTTH, KTN;
- Lưu: VT, Đ.Hòa. 10



Nguyễn Văn Lợi